

Bản án số: 556/2019/DS-ST
Ngày: 20/11/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị H Vân
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà K, sinh năm 1960 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường D, Phường E, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà K trình bày:

Bà K và ông T có mối quan hệ quen biết, ngày 08/12/2014 giữa hai bên có xác lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng TT. Theo thỏa Hận, bà H cho ông T vay số tiền là 200.000.000 đồng, kỳ hạn vay là 03 năm kể từ ngày công chứng hợp đồng, lãi suất vay tính theo lãi suất của ngân hàng nhà nước. Sau khi xác lập hợp đồng thì ông T đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng từ bà H, thể hiện tại nội dung hai giấy nhận tiền ngày 08/12/2014 và 10/01/2015. Thực hiện hợp đồng thì phía ông T có trả lãi cho bà H, tuy nhiên từ tháng 03/2017 thì ông T không thanh toán nữa. Sau đó, bà H nộp đơn lên Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C yêu cầu giải quyết. Ngày 30/11/2017

Tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T xác nhận hiện còn nợ bà K số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi còn thiếu là 21.000.000 đồng, tổng cộng là 221.000.000 đồng. Hai bên thống nhất ông T sẽ trả dần số tiền 221.000.000 đồng trong thời hạn 10 tháng, lãi suất là 1%/tháng trên số dư nợ còn lại. Tuy nhiên nếu ông T trả số nợ trước tháng 02/2018 thì bà H sẽ giảm 10 triệu và không tính lãi. Tuy nhiên từ thời điểm xác lập thỏa Hận là ngày 30/11/2017 cho đến nay ông T không trả gốc và lãi theo thỏa Hận. Nay bà H yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 03/4/2019 là 30.360.000 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông T nhiều lần để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 20/11/2019 là 52.229.667 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông T vắng mặt không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Viện kiểm sát kiến nghị quá trình giải quyết vụ án Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa là vi phạm quy định về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định ông T hiện còn nợ bà K số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng, số tiền lãi tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 20/11/2019 theo mức lãi suất thỏa Hận là 1%/tháng trên số nợ gốc chưa thanh toán. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu nên có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông T hiện đang cư trú tại Quận 10 nên tranh chấp này Hội thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 20/11/2019 là 52.229.667 đồng, tổng cộng yêu trả số tiền 273.229.667 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H đã cung cấp cho Tòa án các hợp đồng vay tiền ngày 08/12/2014, 02 giấy biên nhận tiền viết tay ngày 08/12/2014 và 10/01/2015 xác nhận ông T đã nhận đủ số tiền. Tại biên bản hòa giải ngày 30/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10 hai bên thống nhất xác định lại số nợ như sau: Hiện ông T còn nợ bà K số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng trong thời hạn 10 tháng, lãi suất là 1%/tháng trên số dư nợ còn lại. Tuy nhiên nếu ông T trả số nợ trước tháng 02/2018 thì bà H sẽ giảm 10 triệu và không tính lãi. Như vậy, với nội dung và thỏa Hận nêu trên, giữa hai bên có xác định lại số tiền nợ, lãi suất vay, thời hạn trả nợ. Căn cứ khoản 1 Điều 278 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa Hận, theo quy định của pháp luật....Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ dân sự đúng thời hạn” và khoản 1 Điều 466 bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả tiền khi đến hạn”. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông T trả số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là 1%/tháng tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 20/11/2019 là 52.229.667 đồng. Xét thấy, tại hợp đồng vay tiền ngày 08/12/2014 hai bên thỏa Hận mức lãi suất cho vay theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định nhưng thực tế hai bên thực hiện hợp đồng vay tài sản theo mức lãi suất thỏa Hận là 1%/tháng. Tại biên bản thỏa Hận ngày 30/11/2017 hai bên đều thống nhất lãi suất là 1%/tháng trên số dư nợ còn lại của số tiền 221.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp các bên có thỏa Hận về lãi suất nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...” như vậy hai bên thỏa Hận mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, hai bên còn thỏa Hận nếu ông T trả số nợ trước tháng 02/2018 thì bà H sẽ giảm 10 triệu và không tính lãi. Tuy nhiên từ thời điểm xác lập thỏa Hận cho đến nay ông T không trả gốc và lãi cho nguyên đơn nên lãi suất được tính là 1%/tháng, tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 20/11/2019 là 23 tháng 19 ngày) trên số tiền gốc còn nợ là 221.000.000 đồng, cụ thể là: $221.000.000 \times 1\% \times 23 + 221.000.000 \times 1\%/30 \times 19 = 52.229.667$ đồng là phù hợp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng ông T không có ý kiến phản đối, không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia

đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do ông T đã vi phạm thời hạn thanh toán làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà H theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do vậy yêu cầu của bà H buộc ông T phải trả ngay số nợ trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm là 13.661.483 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức H, miễn, giảm, H, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức H, miễn, giảm, H, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu ông T trả nợ.

Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền là 273.229.667 (Hai trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng [Trong đó, nợ gốc là 221.000.000 (Hai trăm hai mươi mốt triệu) đồng, nợ lãi là 52.229.667 (Năm mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng], ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí là 13.661.148 (Mười ba triệu, sáu trăm sáu mươi mốt ngàn, một trăm bốn mươi tám) đồng. Hoàn lại cho bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.284.000 (Sáu triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai H tiền tạm ứng án phí số 0017206 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Hận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Quận C,
- Chi cục THADS Quận C,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Nhất Dũng